

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2020/DS - ST

Ngày: 13/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Ngọc Châu

2. Ông Trần Quang Mẫn

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:2170/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:2686/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X; trụ sở: Số Y đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M theo Giấy ủy quyền số 1382/2019/UQ-TTT ngày 13/8/2019 của Ngân hàng TMCP X ông Lê Nguyễn Khoa N – Phó giám đốc Trung tâm thẻ được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số:3892/2018/GUQ-PL ngày 3/12/2018

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T; địa chỉ: Số X đường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng ông M (có đơn xin xét xử vắng mặt), ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X có người đại diện hợp pháp là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 22/11/2011, ông Nguyễn Quang T có ký với Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 6.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.000.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng 78.450.000 đồng thì ngừng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 27/5/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến hết ngày 21/5/2019 ông T còn nợ Ngân hàng: 7.016.595 đồng (Bảy triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) trong đó: Nợ gốc: 3.668.815 đồng; Lãi quá hạn: 3.347.780 đồng.

Ngân hàng yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Nguyễn Quang T phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 03/8/2020 là: 7.355.959 đồng, gồm: nợ gốc: 3.668.815 đồng; lãi quá hạn: 3.687.144 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và về thời hạn chuẩn bị xét xử;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;
- Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;
- Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Xét: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) mà hai bên đã ký có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ được quy định tại Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), nên hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực.

[6] Căn cứ vào lời trình bày của đại diện Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định từ ngày 22/5/2018 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 3.668.815 đồng, mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Do ông T vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 27/5/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T sang nợ quá hạn là có cơ sở.

[7] Theo hợp đồng, ông T phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng ông T không thực hiện nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 3/8/2020 với số tiền là 3.687.144 đồng, theo bảng kê của Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét: Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo quy định tại 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015), khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), nên cần buộc bên vay phải trả ngay cho Ngân hàng nợ gốc và lãi quá hạn với số tiền tính đến ngày 03/8/2020 là: 7.355.959 đồng, trong đó nợ gốc: 3.668.815 đồng; lãi quá hạn: 3.687.144 đồng;

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 7.355.959 đồng phải trả cho Nguyên đơn là 367.798 đồng. Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005644 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[14] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 và khoản 5 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Quang T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tính đến ngày 03/8/2020 là: 7.355.959 đồng, gồm: nợ gốc: 3.668.815 đồng; lãi quá hạn: 3.687.144 đồng;

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 4/8/2020, ông Nguyễn Quang T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 22/11/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí trên 7.355.959 đồng phải trả cho nguyên đơn là 367.798 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005644 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng TMCP X và ông Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Huynh